

Bản án số: 67/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 06 – 8 – 2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số xxx, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc TH, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Số xxx, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/8/2017, tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc TH tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới ngày 12/12/1991 Âm lịch. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn do ông TH không đồng ý mặc dù được chính quyền địa phương nhiều lần động viên, nhắc nhở làm thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông TH hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông TH không chung thủy. Do các con còn nhỏ nên bà cố gắng duy trì mối quan hệ với ông TH. Nay, các con đã lớn, vợ chồng bà tự ly thân hơn 02 năm qua, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông TH.

- Về con chung: Bà T trình bày, bà và ông TH có 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tên Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh năm 1992, Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1993. Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc TH là bị đơn trong vụ án không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, để đảm bảo quyền cũng như đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của bị đơn thì Tòa án cần THết phải giải quyết việc dân sự “*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú*” đối với ông TH để việc giải quyết vụ án được khách quan.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận bà T và ông TH là vợ chồng. Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến. Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc TH là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Theo kết quả xác minh tại Công an phường BK xác định ông Nguyễn Ngọc TH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 658/33, khóm BK 2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang, hiện nay vẫn chưa cắt chuyển hộ khẩu. Như vậy, địa chỉ này vẫn là địa chỉ cư trú hợp pháp của ông TH và bà T đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017. Ngoài địa chỉ này ra, bà T không biết ông TH cư trú tại địa chỉ nào khác. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại phiên Tòa hôm nay, ông TH vẫn không có mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông bị đơn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông TH sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản. Phía bà T chỉ có yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung. Do đó, việc yêu cầu nguyên đơn phải thực hiện thủ tục “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú” đối với bị đơn là không cần thiết.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ngoài lời khai ra, bà T cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 117/UBND – XNTTHN ngày 23/3/2018 xác định bà T chưa tiến hành đăng ký kết hôn với ai tại địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông TH đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc TH là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến của ông TH về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông TH không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004915 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc TH không phải là vợ chồng.

- **Về con chung:** Không xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004915 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông TH được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh